

Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT
Năm 2023

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

I. Thông tin chung: General information

1. Thông tin khái quát: General information

Tên giao dịch/ *Trading name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*:
0302641539

Vốn điều lệ/ *Charter capital*: **237.789.000.000 đồng**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: **237.789.000.000 đồng**
Địa chỉ/ *Address*: 636-638 Nguyễn Duy, phường 12, Quận 08, TP.Hồ Chí Minh
Số điện thoại/ *Telephone*: 028-38554176 ; 028-38553415
Số fax/*fax*: 028-38553476
Website: www.hugamex.vn
Mã cổ phiếu : **HNI**

Quá trình hình thành và phát triển/ *Incorporation and development process*:
Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần may Hữu Nghị là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty cổ phần theo quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 21 tháng 03 năm 2002 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Giấy đăng ký thay đổi lần 10 ngày 29 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business*:

Ngành nghề kinh doanh chính/ *Lines of the business*: Các sản phẩm ngành may
Địa bàn kinh doanh/ *Location of business*:
Xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, Nhật

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*:

Mô hình quản trị/ *Governance model*:

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

+ Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

+ Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: Không có.
- 4. ***Định hướng phát triển/ Development orientations:***
 - Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*:
 - + Duy trì khách hàng truyền thống và thị trường mới, khách hàng mới để đảm bảo đủ hàng hóa cho xí nghiệp sản xuất tiến tới đáp ứng năn gkực mở rộng cả hai địa phương Long An, Sa đéc.
 - + Đa dạng hóa sản phẩm ngành may nhằm gia tăng lợi nhuận với những sản phẩm có tỉ suất lợi nhuận cao.
 - + Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm, chi phí sản xuất, cải thiện thời gian giao hàng nhanh, giảm năng
 - Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*:
 - + Công trình cải tạo hàng rào, nhà xe Xí nghiệp may 6 tại tỉnh Đồng Tháp: Nghiệm thu đưa vào sử dụng trong năm 2023.
 - Giá trị công trình hoàn thành (chưa Vat) đến thời điểm 31/12/2023: 6,08 tỷ đồng
 - + Đầu tư về máy móc thiết bị các loại là: 8,80 tỷ đồng
 - + Xe ô tô 4 chỗ: 5,93 tỷ đ
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*:
 - + Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp. công tác môi trường đảm bảo, thực hiện các đánh giá Higg Index chỉ số về môi trường
 - + Đánh giá trách nhiệm xã hội theo các tiêu chuẩn quốc tế SLCP
 - + Trồng cây xanh, hệ thống nước thải môi trường trong sạch
 - + Tích cực tuyên truyền tiêm ngừa, 5K, công ty cũng hỗ trợ địa phương phòng chống dịch tại chỗ. Ngoài ra tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 2 lần 1 năm.

5. ***Các rủi ro/ Risks:***

- Mục tiêu quản lý rủi ro: Luôn đánh giá và ưu tiên hóa rủi ro. Hạn chế rủi ro để tránh được những thiệt hại không đáng có, có thêm thời gian lên kế hoạch ngăn chặn trước khi rủi ro xảy ra.
- Rủi ro về thị trường: Phụ thuộc vào thị trường nước ngoài; sự biến động bất lợi tỷ giá;
- Rủi ro về nguồn nhân lực : Việc tuyển dụng lao động ngành may, nhất là tại khu vực nội thành ngày càng khó khăn, do nguồn cung lao động giảm, xu hướng công nhân quay về các tỉnh làm việc để gần gia đình. Chi phí lao động có xu hướng tăng trong các năm qua làm giảm khả năng cạnh tranh của Công ty nói riêng và các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nói chung.

II- Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations:

1. ***Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations:***

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Năm 2023

	<u>ĐVT</u>	<u>Kế hoạch</u>	<u>Thực hiện</u>	<u>Tỷ lệ HTKH</u>
+ Kim ngạch xuất khẩu :	1.000USD	36.000	36.794	102,21 %
+ Doanh thu thuần:	Tr.đ	874.200	869.534	99,46 %

2. **Tổ chức và nhân sự /Organization and Human resource:**

– Danh sách Ban điều hành:

a/ Tổng Giám đốc:

Họ tên : Hà Văn Duyệt

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh: 08-06-1954

Nơi sinh : Thái Bình

CMND : 022748135

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 11 Đường 22 Khu dân cư 6A Him Lam, X.Bình Hưng, H.Bình Chánh, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Tài Chính kế toán

Quá trình công tác:

+ Từ 2003 đến nay: Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần may Hữu Nghị

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 2.618.174 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,01% vốn điều lệ.

b/ Phó Tổng Giám đốc:

Họ tên : Hà Văn Long

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh: 21-02-1971

Nơi sinh : Thái Bình

CCCD : 034071008490

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 67 đường 12 khu dân cư 3 Bùi Minh Trực, Phường 5, Quận 8, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

+ Từ 2011 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần may Hữu Nghị

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân 1.217.772 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,12% vốn điều lệ.

c/ Phó tổng giám đốc:

Họ tên : Phạm Đức Hà

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh: 30-12-1971

Nơi sinh : Thái Bình

CMND/hộ chiếu: 024470180

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 710/15 Lũy Bán Bích, P.Tân Thành, Q.Tân Phú, HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

+ Năm 2004: Phó phòng KH-XNK

+ Năm 2011: Trưởng phòng KH KD-XNK

+ Năm 2014: Giám đốc điều hành

+ Từ T4/2021: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần may Hữu Nghị

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân 204.324 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,86% vốn điều lệ

d/ Phó tổng giám đốc:

Họ tên : Hà Văn Nghĩa

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/12/1980

Nơi sinh : TP.HCM

CMND/hộ chiếu: 034080005959

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 11 Đường 22 Khu dân cư 6A Him Lam, X.Bình Hưng, H.Bình Chánh, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

+ Năm 2010: Phó phòng KH KD-XNK

+ Năm 2012: Trưởng phòng Kinh doanh tổng hợp

+ Năm 2014: Giám đốc điều hành.

+ Từ T4/2021 : Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần may Hữu Nghị

+ Từ 23/04/2023: Thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân 1.2936.468 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,44% vốn điều lệ

e/ Trưởng phòng Tài chính kế toán:

Họ tên : Vũ Thị Ngát

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh: 12/11/1958

Nơi sinh: Hải Dương

CMND/hộ chiếu: 024097586

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 28B/6 Dương Bá Trạc, P.2, Q.8, HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

+ Năm 1995: Nhân viên kế toán Công ty May In Hữu Nghị

+ Năm 2004: Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Hữu Nghị Kiu Chi

+ Năm 2007: Phó phòng kế toán Công ty cổ phần may Hữu Nghị

+ Năm 2007 đến nay: Trưởng phòng TC KT Công ty cổ phần may Hữu Nghị

- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân 252.816 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,06% vốn điều lệ
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Số lượng CBCNV (đến 31/12/2023): 2.503 lao động.

+ Các chính sách đối với người lao động:

Thực hiện ký kết hợp đồng với người lao động theo Luật Lao động và thực hiện các chính sách theo đúng pháp luật, theo đúng thỏa ước ký kết giữa người sử dụng lao động và đại diện người lao động.

Chăm lo cho người lao động như: ngày chế độ kết hôn, tang gia, ngày lễ; hỗ trợ thuê nhà trọ, trợ cấp sinh hoạt, thưởng lương T13, quà tết và các chế độ phúc lợi khác.

Lập ban Phòng chống dịch bệnh Covid: 5k, khử trùng nhà xưởng, khuyến khích người lao động tiêm ngừa.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ Investment activities, project implementation:

Trong năm công ty đã hoàn thành cải tạo, đầu tư máy móc thiết bị cho các xưởng, hoàn thành công trình phụ trợ nhà ăn xí nghiệp 6 tỉnh Đồng Tháp đưa vào sử dụng.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation:

a) **Tình hình tài chính/ Financial situation:**

ĐVT: VND			
Chỉ Tiêu/Financial Figure	Năm/Year 2023	Năm/Year 2022	% Tăng Giảm
Tổng giá trị tài sản /Total asset	649,681,496,210	641,097,221,505	101.34
Doanh thu thuần /Net revenue	869,534,864,259	1,128,871,678,548	77.03
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Profit from operating activities	90,040,182,699	116,954,371,638	76.99
Lợi nhuận khác/Other profits	1,536,680,712	-1,005,734,098	-152.79
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	91,576,863,411	115,948,637,540	78.98
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	73,473,859,086	90,411,382,848	81.27
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio	32.36	30.24	107.00

- Các chỉ tiêu khác/ other figures: Không có

b- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial benchmarks:

Chỉ Tiêu/Financial Figure	Năm/Year 2023	Năm/Year 2022	Ghi chú /Note
1, Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (Solvency ratio)			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Current ratio):			

Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	2.27	2.04	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <u>Short term Debt</u>	1.95	1.81	
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	35.35	37.93	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	54.69	61.10	
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (Operation capability Ratio)			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Inventory turnover): <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	119.15	210.7	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	1.34	1.76	
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (Target on Profitability)			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	8.45	8.01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	17.49	22.72	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	11.31	14.10	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	10.35	10.36	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity :

a/ Cổ phần/ Shares :

Mệnh giá 10.000đ

STT	Cổ phiếu	Năm 2023	Năm 2022
1	Tổng số cổ phần	23,778,900	23,778,900
2	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23,778,900	23,778,900
3	Cổ phiếu phổ thông	23,778,900	23,778,900
4	Cổ phiếu đang lưu hành	23,777,800	23,777,800

b/ Cơ cấu cổ đông/ Shareholders structure:

Chỉ Tiêu/Financial Figure	Năm/Year 2023	Tỉ lệ %
* Tổng số cổ phần	23,778,900	100.00
* Cổ đông lớn từ 5% trở lên	13,385,460	56.29
Cổ đông nhỏ dưới 5%	10,392,340	43.70
* Cổ đông cá nhân	16,812,008	69.14
Cổ đông tổ chức	6,966,892	30.86
* Cổ đông trong nước	23,594,000	97.66
Cổ đông nước ngoài	555,400	2.34
* Cổ phiếu quỹ	1,100	0.00

Tỉ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 0%

c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity:

Không thay đổi

d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: không thay đổi

e/ Các chứng khoán khác/ Other securities: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/Total direct and indirect GHG emission

Không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ Measures and initiatives to reduce GHG emission.

Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

Số lượng Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất năm 2023: 6.858.015 yard

Số lượng Nguyên vật liệu phụ sử dụng sản xuất năm 2023: 84.346.7212 chiếc/bộ: cúc, khóa kéo, chỉ...v v

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.

Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/Energy consumption - directly and indirectly.

Mức tiêu thụ điện năm 2023 là: 5.046.129 kw

Dầu DO năm 2023: 178.660 lít

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

Sử dụng 1 phần điện năng lượng mặt trời.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

Thu tiền điện năng lượng mặt trời do bán điện cho Nhà nước năm 2023: 275.429.822 đồng

6.4. *Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*

Sử dụng nước máy với mức tiêu thụ trong năm 2023 là: 56.490 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Không có

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Không có

c) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Không có

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*

Số lao động: 2.503 người, Lương bình quân: 9,8 tr đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Hàng năm công ty khám sức khỏe cho người lao động 2 lần 1 năm.

Thường xuyên tập huấn PCCC cho người lao động

Chi tiền thăm hỏi ốm đau, ma chay động viên người lao động, hỗ trợ nuôi con nhỏ dưới 6 tuổi

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

Hàng năm tổ chức tập huấn an toàn lao động toàn công ty trung bình 2 giờ mỗi người.

Tập huấn PCCC cho người lao động hằng quý.

6.7. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.*

Đóng góp hỗ trợ tại địa phương ngày lễ tết, bữa ăn, người nghèo khuyết tật, hoàn cảnh khó khăn: 801.000.000 đồng

III - Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results:

- Công ty hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trong năm 2023:
 - + Kim ngạch xuất khẩu đạt 102,21% so với kế hoạch
 - + Doanh thu đạt 99.47% so với kế hoạch
 - + Lợi nhuận trước thuế đạt 228.9% so với kế hoạch.
- Những tiến bộ công ty đã đạt được :
 - + Lợi nhuận nộp ngân sách tăng đều hàng năm
 - + Hằng năm có Cổ tức chia cho các cổ đông
 - + Công ty đã thực hiện tốt các chế độ, chính sách phúc lợi, đảm bảo thu nhập và giữ chân được người lao động. Trong năm, Công ty cũng không xảy ra các tranh chấp lao động hay đình công.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation:

a) Tình hình tài sản/ Assets:

STT	Chỉ Tiêu	Năm/Year 2023	Năm/Year 2022
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	19.84%	22.79%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	80.16%	77.19%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	35.35%	37.93%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng	64.65%	62.07%

b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities:

- Tình hình nợ hiện tại biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts:*

Năm 2023 Công ty không có khoản nợ dài hạn.

- Chênh lệch của tỉ giá hối đoái không ổn định nhưng không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management:

Tái cấu trúc bộ máy quản lý và thay đổi hình thức trả lương tại các ngành sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future:

Mục tiêu trong năm 2024 :

- + Doanh thu : 917.910 tr đ
- + Lợi nhuận : ✓ 42.000 tr đ

IV - Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation:

-Nhìn chung tình hình kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, dù tình hình lao động bất ổn do hàng hóa không có phải thu hẹp sản xuất nhưng không làm ảnh hưởng đến tình hình SXKD của công ty.

+ Hàng hóa cung cấp không ổn định, nhưng vẫn cố gắng kịp tiến độ giao hàng theo các đơn hàng đã có.

-Khó Khăn:

+ Chiến tranh thương mại giữa các nước, dịch bệnh.

+ Nguyên phụ liệu phụ thuộc vào trung quốc cung cấp không ổn định, lạm phát tăng cao, thiếu hụt lao động về số lượng, lao động có tay nghề.

+ Giá gia công ngành may không tăng trong khi các chi phí đầu vào tăng từ 10 đến 15%

Trong điều kiện khó khăn song dưới sự lãnh đạo của Đảng Ủy Công ty, Hội Đồng Quản Trị, Ban điều hành Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ ổn định năng lực sản xuất kinh doanh và từng bước phát triển bền vững.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance:

Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban Giám Đốc đối với sự phát triển của Công ty. Mặc dù trong điều kiện khó khăn Công ty vẫn duy trì được năng lực sản xuất hoàn thành kế hoạch của Đại Hội cổ đông đề ra cũng như các nghị quyết của Hội đồng Quản trị

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors:

Nội dung hoạt động của Hội Đồng Quản Trị chủ yếu tổ chức đề ra các nghị quyết từng thời điểm phù hợp với nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên

Thường xuyên theo dõi diễn biến hoạt động sản xuất kinh doanh, thị trường để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện

V - Quản trị công ty/ Corporate governance:

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ Members and structure of the Board of Directors:

Nhiệm kỳ 2023-2027

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phần sở hữu	Chức vụ Công ty khác	Ghi chú
1	Hà Văn Duyệt	Chủ tịch HĐQT Tổng Giám Đốc	2.618.174	Không	
2	Kiều Ngọc Mạnh Hùng		1.303.654	Không	Thôi thành viên HĐQT đến ngày 23/04/2023

3	Hà Văn Long	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám Đốc	1.217.772	Không	
4	Hà Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám Đốc	1.293.468	Không	Thành viên HĐQT từ ngày 23/04/2023
5	Lê Mạc Thuấn	Thành viên HĐQT	3.861.990	Đại diện phần vốn Tập Đoàn dệt may Việt Nam - Phó Tổng giám đốc; Chủ tịch HĐQT kiêm TGD - Công ty CPĐT Phát triển Vinatex	
6	Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên HĐQT	2.378.000	Đại diện phần vốn Tập Đoàn dệt may Việt Nam - Phó ban tài chính kế toán	Thành viên HĐQT từ ngày 23/04/2023
7	Mai Văn Thiên		50.200	Phó ban quản lý nguồn nhân lực - Tập Đoàn dệt may Việt Nam	Thôi thành viên HĐQT đến ngày 23/04/2023

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *The committees of the Board of Director:*
Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors:*

HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình tuân thủ đúng qui định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp.

Trong năm 2023, HĐQT đã họp ít nhất 1 lần/quý . Cụ thể các quyết định của HĐQT thông qua các Biên bản như sau:

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	Số 34.2023\NQHĐQT	16/02/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐTN năm 2023 - Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự đại hội 24/3/23 - Thông qua thời gian tổ chức ĐHCĐTN năm 2023 dự kiến 23/4/23 - Thông qua địa điểm tổ chức: Lầu 6 -Khách sạn Windsor Plaza 18 An Dương Vương P3,

			Q5, TP.HCM.
2	Số 35.2023\BBHĐQT	28/02/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2022 - Thưởng cho TGD và ban điều hành 2% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch và 8% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.
3	Số 36.2023\BBHĐQT	24/03/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua vay vốn tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Sài Gòn - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2022. - Tổng kết thực hiện SXKD 05 năm 2017-2022. - Kế hoạch SXKD năm 2023. - Kế hoạch định hướng 5 năm 2023-2027. - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022. - Chi phí thù lao, hoạt động của hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2022. - Thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch cho HĐQT năm 2022 và nhiệm kỳ IV. - Hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát. - Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát. - Chọn đơn vị kiểm toán năm 2023. - Thông qua quy chế hoạt động của HĐQT & BKS.
4	Số 37.2023\BBHĐQT	14/04/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ SXKD Q1 năm 2023. - Nhân sự nhiệm kỳ V (2023-2027)
5	Số 01.2023\BBHĐQT	23/04/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị kỳ V (2023-2027)
6	Số 02.2023\NQHĐQT	30/05/2023	<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT nhất trí chi trả cổ tức bằng tiền năm 2022 với tỷ lệ 15% x vốn điều lệ (1.500 đồng/cổ phiếu) . Ngày đăng ký cuối cùng để hưởng cổ tức là ngày 15/06/2023 và thanh toán ngày 30/06/2023
7	Số 03.2023\NQHĐQT	28/06/2023	<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT nhất trí báo cáo thực hiện SXKD 06 tháng năm 2023. - HĐQT nhất trí chọn Công ty TNHH DV Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt cho kiểm toán năm 2023
8	Số 05.2023\NQHĐQT	20/10/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 9 tháng 2023.

			- Báo cáo thực hiện nhiệm vụ SXKD quý 4 năm 2023.
--	--	--	---

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành/ *Activities of independent members of the Board of Directors:*

Chỉ tham gia hoạt động HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT .

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/ *List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*

Không có.

2. **Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors:**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ *Members and structure of the Board of Supervisors:*

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phần sở hữu	Chức vụ Công ty khác	Ghi chú
1	Dương Thanh Tùng	Trưởng ban kiểm soát - Phó Phòng XNK	1.000.938	Không	
2	Nguyễn Thị Hằng Nga	Thành viên Ban kiểm soát	595.604	Không	
3	Vũ Thị Nụ	Thành viên Ban kiểm soát	713.400	- Đại diện phần vốn Nhà nước - Tập Đoàn dệt may Việt Nam. Chuyên viên Ban quản trị rủi ro	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ *Activities of the Board of Supervisors:* Ban kiểm soát họp thường kỳ

STT	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	Báo cáo thẩm định Ban Kiểm soát	20/03/2023	-Thẩm tra báo cáo đã được kiểm toán năm 2022
2	Biên bản họp	23/04/2023	- Họp bầu Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2023-2027)
3	Báo cáo thẩm định Ban Kiểm soát	15/05/2023	-Đánh giá tình hình hoạt động SXKD quý 1 năm 2023.
4	Báo cáo thẩm định Ban Kiểm soát	16/08/2023	-Đánh giá tình hình hoạt động SXKD quý 2 năm 2023
5	Báo cáo thẩm định Ban Kiểm soát	19/10/2023	- Đánh giá tình hình hoạt động SXKD quý 3 năm 2022

3. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits:*

- Thù lao Hội đồng quản trị: 306.000.000 đồng
- Thù lao Ban kiểm soát: 114.000.000 đồng
- Lương, thưởng Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát: 14.918.103.737 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders:*

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hà Hải Ninh	Con trai CT HĐQT	242.648	1,02%	492.648	2,07%	Mua

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Contracts or transactions with internal shareholders:*

Năm 2023 Công ty đã tuân thủ các qui định về quản trị công ty, tuy nhiên để tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị công ty, Công ty có kế hoạch như sau:

- Tăng cường việc liên lạc định kỳ/không định kỳ với cổ đông lớn của Công ty.
- Tăng cường chế độ thông tin tình hình Công ty cho thành viên HĐQT độc lập, Ban Kiểm soát.
- Thường xuyên cập nhật các qui định pháp luật về quản trị công ty.
- Định kỳ HĐQT họp ít nhất 1 lần/quý để kiểm tra tình hình hoạt động Công ty.
- Xem xét, hiệu chỉnh Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo qui định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình Công ty hiện nay.

VI - Báo cáo tài chính/ *Financial statements:*

1. **Ý kiến kiểm toán/ *Auditor's opinions:***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán/ *Audited financial statements :***

Được đăng tải trên website Công ty theo địa chỉ: www.hugamex.vn.

Ngày 11 tháng 03 năm 2024
Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty CP may Hữu Nghị

CONFIRMATION BY THE COMPANY'S
LEGAL REPRESENTATIVE

